

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MD03216**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Soạn thảo văn bản điện tử**

Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454802030379	Nguyễn Đỗ Đức	Anh	23/04/2009				8	9.0	9.0	9.0		6.5		7.4
2	2454802030380	Huỳnh Chí	Bảo	24/10/2009				9	9.0	9.5	9.0		9.5		9.4
3	2454802030382	Đỗ Thị Yển	Bình	04/07/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
4	2454802030383	Lê Nguyễn Thảo	Duy	10/10/2009				8	9.0	0.0	0.0		CT		1.5
5	2454802030384	Nguyễn Hoàng	Duy	07/03/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
6	2454802030385	Lê Hoàng	Đạt	31/07/2009				9	9.0	9.0	9.5		8.5		8.8
7	2454802030386	Lương Văn	Đạt	18/02/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
8	2454802030387	Dương Nhật	Hào	03/08/2009				9	8.0	9.0	9.0		8.5		8.6
9	2454802030388	Lê Hoàng	Khang	15/09/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
10	2454802030389	Nguyễn Trí	Khang	11/06/2009				8	8.0	9.0	9.0		8.5		8.5
11	2454802030390	Lê Đăng	Khoa	13/09/2008				8	9.0	9.0	9.5		8.0		8.4
12	2454802030391	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	01/06/2009				9	8.0	8.5	9.0		9.8		9.3
13	2454802030392	Nguyễn Cao	Kỳ	27/11/2009				9	7.0	9.0	9.5		9.0		8.8
14	2454802030393	Bùi Thị Tường	Lam	25/10/2009				9	8.0	9.5	9.5		9.0		9.0
15	2454802030394	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Lam	05/10/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
16	2454802030396	Nguyễn Hoàng	Nam	03/01/2009				9	8.0	8.0	9.0		7.0		7.6
17	2454802030398	Lê Yển	Nghi	27/03/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
18	2454802030399	Đoàn Phú	Nghĩa	30/04/2009				8	8.0	8.0	9.0		9.3		8.9
19	2454802030400	Nguyễn Hữu	Nghĩa	07/10/2009				9	9.0	9.0	9.0		8.3		8.6
20	2454802030401	Nguyễn Minh	Nghĩa	26/10/2003				10	10.0	10.0	10.0		9.8		9.9
21	2454802030402	Nguyễn Hoàn Mỹ	Ngọc	26/06/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
22	2454802030403	Nguyễn Hoàng Khánh	Ngọc	18/11/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
23	2454802030404	Huỳnh Thị Thúy	Nhung	01/05/2009				9	8.0	9.0	9.0		7.0		7.7
24	2454802030405	Đặng Trọng	Phúc	30/08/2009				10	10.0	10.0	10.0		9.5		9.7
25	2454802030406	Lê Minh	Sang	02/10/2009				8	7.0	9.0	10.0		7.0		7.6
26	2454802030407	Dương Văn	Thái	06/02/2009				10	9.0	8.5	9.5		8.0		8.5
27	2454802030408	Mai Nguyễn Hoàng	Thái	20/10/2009				9	9.0	9.0	9.5		6.0		7.3
28	2454802030409	Huỳnh Quốc	Thanh	10/11/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
29	2454802030410	Đỗ Phúc	Toàn	05/05/2009				9	9.0	8.5	9.5		1.0		4.2
30	2454802030411	Huỳnh Minh	Trí	04/07/2009				8	9.0	9.0	9.5		6.8		7.7
31	2454802030412	Lê Quang	Trường	28/09/2008				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
32	2454802030413	Lê Anh	Tuấn	29/09/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
33	2454802030414	Lê Công	Vinh	11/12/2009				8	8.0	8.5	9.0		6.3		7.2
34	2454802030415	Lê Quang	Vinh	01/01/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
35	2454802030416	Lê Thị Kim	Yển	27/01/2008				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 1 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Lý Thị Thanh Thúy